

Số: 2895/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Hệ thống  
thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 1 dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1042/TTr-TNMT ngày 29/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần Văn Tâm - Cư trú tại bản Cẩng Đẳng, xã San Thành, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 140.717.334 đồng.

(Bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, ba trăm ba mươi tư đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)



2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trần Văn Tâm có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ BỔ SUNG LẦN 1**

**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

(Kèm theo Quyết định số 2895/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

<b>I</b>	<b>Tên các hạng mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (đ)</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
<b>5</b>	<b>Hộ ông Trần Văn Tâm</b>					
	Địa chỉ: bản Cắng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					<b>140.717.334</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>13.981.300</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	393,1			
2	Loại đất					
	Đất nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	111,4	37.000	4.121.800	
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	281,7	35.000	9.859.500	
	Vị trí (VT1) kv1					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 03 thửa đất tổng diện tích thu hồi 393,1m<sup>2</sup> gồm các thửa 658, 661, 662; tờ BĐ số 134 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án). Đối chiếu hồ sơ địa chính phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <p>+ Phần diện tích thu hồi thuộc một phần thửa đất số 417, tờ BĐ số 134 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BQ468125 và thửa đất số 470, tờ BĐ số 134 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BQ468126 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 5/02/2012 mang tên ông Trần Văn Tâm và bà Phan Thị Khôi (Trong đó phần diện tích thu hồi thửa 662, tờ bản đồ 134 theo trích đo thu hồi, diện tích 154,3 m<sup>2</sup>: Có 42,9 m<sup>2</sup> đất BHK và 111,4 m<sup>2</sup> đất NTS).</p> <p>+ Phần diện tích thu hồi chồng lấn thuộc một phần thửa đất số 412, tờ BĐ số 134 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất SON do UBND xã quản lý. Thực tế phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần Văn Tâm và bà Phan Thị Khôi đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Trần Văn Tâm khai hoang từ trước năm 1993. Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau, bản đồ đo đạc chưa chính xác. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</p> <p>Mục đích sử dụng: Đất nuôi trồng thủy sản, đất bằng trồng cây hàng năm khác. Gia đình sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.</p>					
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b> Toàn bộ tài sản do ông Trần Văn Tâm tạo lập năm 2016. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp					<b>63.588.734</b>
	Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp đúng mục đích khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% đơn giá mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)					
1	Kè đá xây (1,3*110*0,6) kè bờ suối	m <sup>3</sup>	85,8	392.700	33.693.660	



<b>I</b>	<b>Tên các hạng mục</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (đ)</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
2	Lưới B40 (1,8*100)	m <sup>2</sup>	180,0	100.100	18.018.000	
3	Cọc BTCT (0,1*0,1*2)*30 cọc	m <sup>3</sup>	0,6	1.393.700	836.220	
4	Ao đào không phân biệt đất cấp (1,7*111,4 m <sup>2</sup> )	m <sup>3</sup>	189,4	58.300	11.040.854	
<b>c</b>	<b>Cây cối hoa màu trên đất</b>				<b>21.203.400</b>	
1	Cây chuối cao > 1,2 m	Cây	35,0	24.000	840.000	
2	Cây chuối cao < 1,2 m	Cây	25,0	18.000	450.000	
3	Sản lượng cá nằm trong phạm vi thu hồi 154,3m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	46,3	60.000	2.777.400	
4	Sản lượng cá nằm trong phạm vi ảnh hưởng 900m <sup>2</sup> *0,3kg/m <sup>2</sup>	kg	270,0	60.000	16.200.000	
5	Cây trồng hạt năm thứ 4	Cây	2,0	192.000	384.000	
6	Cây dâu tằm	m <sup>2</sup>	10,0	7.200	72.000	
7	Cây lấy gỗ D= 5-10 cm	Cây	16,0	30.000	480.000	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>41.943.900</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	111,4	111.000	12.365.400	
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	281,7	105.000	29.578.500	

